

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT****Mã số thuế: 0101074336**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 09 tháng 12 năm 2022

Mã của cơ quan thuế: 00F4F9EF9E49F04265861CF074010B6515

Ký hiệu: 1C22TMD

Số: **57**

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Số 666A, đường Quang Trung, phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Số tài khoản: 9552.2.7912687 Tại: Kho Bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 4601326691

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Gói thầu CQ-04: "Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BVTC)" - Dự án "Xây dựng trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên" theo hợp đồng số 05/2022/HĐKS-BQLDA-CODECO, ký ngày 17/11/2022				313.808.333
Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:					313.808.333
Thuế suất GTGT: 8%			Tiền thuế GTGT:		25.104.667
Tổng tiền thanh toán:					338.913.000

Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi tám triệu chín trăm mười ba nghìn đồng**Người mua hàng**

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

Ngày ký: 09/12/2022 10:37:33

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.mininvoice.vn/> Mã tra cứu: **7B4FE631C66A6EBF**

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxóa số dự 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 11 năm 2022

HỢP ĐỒNG

Số: 05/2022/HĐKS-BQLDA-CODECO

Gói thầu CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BVTC)

Dự án Xây dựng trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên

giữa

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
& CÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN.**

và

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG
MỎ - ĐỊA CHẤT**

PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 6191/UBND-TH ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên V/v triển khai quy hoạch và dự án đầu tư tại khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 theo Quyết định số 1989/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên V/v phê duyệt Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 361^a/QĐ-DADD-CN ngày 11/11/2022 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái

Nguyên về việc Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công) Dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các quan tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng ngày 17/11/2022 giữa Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa Chất về việc thực hiện Gói thầu CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BCTC) thuộc dự án Xây dựng trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-DADD-CN ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công) thuộc Dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các quan tỉnh Thái Nguyên;

PHẦN 2. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện Chủ đầu tư:

Tên giao dịch: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

Đại diện là: Ông Nguyễn Văn Hà

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 666A Quang Trung, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Tài khoản: 9552.2.7912687, tại Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.858.616

Fax: 02083.858.616

Mã số thuế: 4601326691

và bên kia là:

2. Đại diện Nhà thầu:

Tên giao dịch: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ- Địa Chất

Đại diện là: Ông Trần Đình Kiên

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Tài khoản: 111000037499

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội

Mã số thuế: 0101074336

Điện thoại: 024.3755.0428

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01010743336 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14/10/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/05/2020.

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên
2. Nhà thầu là: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ- Địa Chất.
3. Dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên
4. Gói thầu là: Gói thầu CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BVTC)
5. Đại diện chủ đầu tư là Ông: Nguyễn Văn Hà thay mặt đầu tư Điều hành công việc
6. Đại diện nhà thầu là Ông: Trần Đình Kiên thay mặt nhà thầu Điều hành công việc.
7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc.
8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
9. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.
12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng]
13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
- b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều Khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
- c) Điều kiện chung của hợp đồng;
- d) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- e) Các phụ lục của hợp đồng;

g) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự Điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện được thể hiện bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.

c) Khảo sát hiện trường.

d) Đo vẽ, địa chất công trình.

e) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.

f) Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn.

g) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát Địa chất công trình.

h) Các công việc khảo sát xây dựng khác.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm:

a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Các bản đồ địa chất công trình, mặt cắt địa chất, các kết quả thí nghiệm trong phòng và hiện trường...

c) Các phụ lục.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là 07 bộ (Bao gồm cả bản in và file mềm hồ sơ)

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng:

- a) Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.
- b) Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình.
- c) Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát địa chất công trình được duyệt.
- d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng: Tổng thời gian thực hiện là 20 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực (*thời gian trên không bao gồm ngày lễ, tết và ngày nghỉ, thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng...*).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Giá hợp đồng:

- a) Hình thức hợp đồng: Trọn gói
- b) Giá hợp đồng là: **348.120.000 đồng**
(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng./.)
- c) Điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10 [Điều chỉnh hợp đồng].

2. Nội dung của giá Hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của bên giao thầu.

- Chi phí khác có liên quan.

b) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của bên chủ đầu tư.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá hợp đồng.

3. Tạm ứng: Không

4. Tiến độ thanh toán

Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và khối lượng công việc hoàn thành, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 01 lần sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Trong vòng 07 ngày, kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu, chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

5. Hồ sơ thanh toán gồm: Theo quy định hiện hành của nhà nước

6. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

7. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Điều chỉnh khối lượng công việc

a) Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

b) Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường.

3. Điều chỉnh giá hợp đồng: Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn về Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng của Bộ Xây dựng.

4. Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các bên thống nhất Điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn

1. Quyền của nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.

b) Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

đ) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các Khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ theo yêu cầu của chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho chủ đầu tư những tài liệu do chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc.

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các Điều Khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng nhân lực của tư vấn sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời Điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

s) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

t) Giải trình các nội dung theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật khi được yêu cầu. Thực hiện nghiêm và đúng thời hạn theo yêu cầu của Chủ đầu tư về các kiến nghị trong kết luận thanh tra, kiểm toán (ví dụ: Như nộp ngân sách hoặc phối hợp với chủ đầu tư ký phụ lục giảm trừ giá trị thanh toán hợp đồng).

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

1. Quyền của chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

đ) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu); tạo Điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân lực của nhà thầu

1. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về Điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu có thể Điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những Điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số 08b.

6. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Bảo hiểm: Theo quy định hiện hành

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

1. Bất khả kháng khác trong hoạt động tư vấn xây dựng bao gồm các sự kiện sau: Khi thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp hang caster, cổ vật, khảo cổ, túi bùn mà khi ký hợp đồng các bên chưa lường hết được.

2. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra,

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều Khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các Điều Khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán, và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sử dụng.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các Điều Khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc.

b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc hoặc do giảm tỷ lệ công việc theo Khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày

mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền Hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

e) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 30 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 15 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 15 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 20 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tới đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện

trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 19. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Thưởng hợp đồng: Không thực hiện tại hợp đồng này
2. Phạt vi phạm hợp đồng: Không thực hiện tại hợp đồng này

Điều 20. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 30 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên *Tòa án tỉnh Thái Nguyên* theo quy định của pháp luật. Quyết định của *Tòa án tỉnh Thái Nguyên* là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 21. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

c) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 18 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 22. Điều Khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các Điều Khoản, quy định và Điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các Điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo Mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Hợp đồng này bao gồm 15 trang được lập thành 09 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 07 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hà

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

BẢNG GIÁ KÈM THEO HỢP ĐỒNG**GÓI THẦU CQ-04: TƯ VẤN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT (GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ BVTC)****DỰ ÁN: XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC KHỎI CÁC CƠ QUAN TỈNH THÁI NGUYÊN**

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m khoan	16,0000	1.103.998	17.663.968
2	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV-VI	1m khoan	60,0000	1.582.312	94.938.720
3	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	1m khoan	32,0000	2.253.979	72.127.328
4	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m khoan	16,0000	449.301	7.188.816
5	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV - VI	1m khoan	60,0000	641.917	38.515.020
6	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII - VIII	1m khoan	32,0000	865.847	27.707.104
7	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	1 lần thí nghiệm	6,0000	508.181	3.049.086
8	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI	1 lần thí nghiệm	12,0000	698.769	8.385.228
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	4,0000	505.117	2.020.468
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	4,0000	110.368	441.472
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	4,0000	192.134	768.536
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	1 chỉ tiêu	4,0000	287.247	1.148.988
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	4,0000	60.655	242.620

Dự toán F1

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	4,0000	599.685	2.398.740
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	4,0000	60.249	240.996
16	Thí nghiệm khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	20,0000	277.765	5.555.300
17	Thí nghiệm khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	20,0000	204.769	4.095.380
18	Thí nghiệm độ ẩm của đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	20,0000	143.665	2.873.300
19	Thí nghiệm đá dăm (sỏi) - độ hút nước của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	20,0000	190.987	3.819.740
20	Thí nghiệm đá dăm (sỏi) - cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	20,0000	952.052	19.041.040
21	Thí nghiệm đá dăm (sỏi) - hệ số hoá mềm của đá nguyên khai (cho 1 lần khô hoặc ướt)	1 chỉ tiêu	20,0000	1.708.438	34.168.760
22	Thí nghiệm phân tích nước, độ PH	1 chỉ tiêu	1,0000	202.882	202.882
23	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng SO4(-2)	1 chỉ tiêu	1,0000	461.609	461.609
24	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng CL-	1 chỉ tiêu	1,0000	379.392	379.392
25	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu lượng cặn không tan	1 chỉ tiêu	1,0000	369.156	369.156
26	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng hữu cơ	1 chỉ tiêu	1,0000	316.351	316.351
	Tổng cộng				348.120.000

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hà

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc.

-----oOo-----

THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Gói thầu CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (Giai đoạn TKBVTC)
Dự án Xây dựng trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Hợp đồng số: 05/2022/HĐKS-BQLDA- CODECO ngày 17/11/2022 giữa Công ty TNHH tư vấn, phát triển công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên về việc: Tư vấn khảo sát địa chất (Giai đoạn thiết kế BVTC) Dự án Xây dựng trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 12 năm 2022. Tại Văn phòng Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên; Chúng tôi gồm có:

Đại diện bên A: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện là: Ông Nguyễn Văn Hà
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 666A Quang Trung, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Tài khoản: 9552.2.7912687, tại Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 02083.858.616 Fax: 02083.858.616
- Mã số thuế: 4601326691

Đại diện bên B: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất

- Người đại diện: Ông Trần Đình Kiên
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Số tài khoản: 111000037499
- Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội
- Mã số thuế: 0101074336
- Điện thoại: 024.3755.0428

Hai bên nhất trí thanh lý Hợp đồng số: 05/2022/HĐKS-BQLDA- CODECO ngày 17/11/2022

- + Giá trị hợp đồng: 338.913.000,đ
- + Bên A đã thanh toán cho bên B số tiền: 0,đ
- + Bên A còn phải thanh toán cho bên B số tiền: 338.913.000,đ

(Bằng chữ: Ba trăm ba mươi tám triệu, chín trăm mười ba nghìn đồng chẵn)

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng theo quy định hiện hành của nhà nước.

Căn cứ vào thanh lý Hợp đồng này bên A còn phải thanh toán số tiền nói trên khi có kế hoạch vốn được giao bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản 111000037499 tại Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội cho Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hà

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Tên dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên
 Tên gói thầu: Gói thầu CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (Giai đoạn thiết kế BVTC)
 Căn cứ Hợp đồng số : 05/2022/HĐKS-BQLDA -CODECO ngày 17 tháng 11 năm 2022 ;
 Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên
 Nhà thầu khảo sát: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất
 Thanh toán lần thứ: Quyết toán

Đơn vị: Đồng

Căn cứ xác định: Biên bản nghiệm thu số 06- ĐC ngày 02/12/2022

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng					Đơn giá thanh toán theo hợp đồng hoặc dự toán	Thành tiền			Ghi chú
			Theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện		Lũy kế đến hết kỳ này	Theo hợp đồng hoặc dự toán		Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ trước		
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m khoan	16		10,4	10,4	1.103.998	17.663.968		11.481.579	11.481.579	
2	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV-VI	1m khoan	60		60	60	1.582.312	94.938.720		94.938.720	94.938.720	
3	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII-VIII	1m khoan	32		32	32	2.253.979	72.127.328		72.127.328	72.127.328	
4	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m khoan	16		10,4	10,4	449.301	7.188.816		4.672.730	4.672.730	

5	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá IV - VI	1m khoan	60			60	60	641.917	38.515.020		38.515.020	38.515.020
6	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá VII - VIII	1m khoan	32			32	32	865.847	27.707.104		27.707.104	27.707.104
7	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	1 lần thí nghiệm	6			6	5	508.181	3.049.086		2.540.905	2.540.905
8	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá IV-VI	1 lần thí nghiệm	12			12	12	698.769	8.385.228		8.385.228	8.385.228
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	4			4	4	505.117	2.020.468		2.020.468	2.020.468
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	4			4	4	110.368	441.472		441.472	441.472
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	4			4	4	192.134	768.536		768.536	768.536
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	1 chỉ tiêu	4			4	4	287.247	1.148.988		1.148.988	1.148.988
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	4			4	4	60.655	242.620		242.620	242.620

14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	4		4	4	599.685	2.398.740		2.398.740	2.398.740
15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	4		4	4	60.249	240.996		240.996	240.996
16	Thí nghiệm khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	20		20	20	277.765	5.555.300		5.555.300	5.555.300
17	Thí nghiệm khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	20		20	20	204.769	4.095.380		4.095.380	4.095.380
18	Thí nghiệm độ ẩm của đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	20		20	20	143.665	2.873.300		2.873.300	2.873.300
19	Thí nghiệm đá dăm (sỏi) - độ hút nước của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	20		20	20	190.987	3.819.740		3.819.740	3.819.740
20	Thí nghiệm đá dăm (sỏi) - cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	20		20	20	952.052	19.041.040		19.041.040	19.041.040
21	Thí nghiệm đá dăm (sỏi) - hệ số hoá mềm của đá nguyên khai (cho 1 lần khô hoặc ướt)	1 chỉ tiêu	20		20	20	1.708.438	34.168.760		34.168.760	34.168.760
22	Thí nghiệm phân tích nước, độ PH	1 chỉ tiêu	1		1	1	202.882	202.882		202.882	202.882
23	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng SO4(-2)	1 chỉ tiêu	1		1	1	461.609	461.609		461.609	461.609
24	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng CL-	1 chỉ tiêu	1		1	1	379.392	379.392		379.392	379.392
25	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu lượng cặn không tan	1 chỉ tiêu	1		1	1	369.156	369.156		369.156	369.156
26	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng hữu cơ	1 chỉ tiêu	1		1	1	316.351	316.351		316.351	316.351
	Tổng cộng	Đồng						348.120.000		338.913.345	338.913.345
	Làm tròn	Đồng						348.120.000		338.913.000	338.913.000

348.120.000 đồng

1. Giá trị hợp đồng:

0 đồng

2. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

0 đồng

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

338.913.000 đồng

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này, trong đó:

Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi tám triệu, chín trăm mười ba nghìn đồng

- | | | |
|---|-------------|------|
| - Tạm ứng | 0 | đồng |
| - Thanh toán khối lượng hoàn thành: | 338.913.000 | đồng |
| 7. Lũy kế giá trị thanh toán, trong đó: | 338.913.000 | đồng |
| - Tạm ứng | 0 | đồng |
| - Thanh toán khối lượng hoàn thành: | 338.913.000 | đồng |

Đại diện nhà thầu



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên

Ngày 02 tháng 12 năm 2022

Đại diện chủ đầu tư



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hà

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 11 năm 2022

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Gói thầu CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn TKBVTC)

Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên V/v phê duyệt Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán;

Căn cứ Quyết định số 361^a/QĐ-DADD-CN ngày 11/11/2022 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên về việc Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công) Dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ hồ sơ năng lực và đề nghị của Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ- Địa Chất

**UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
VÀ CÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 372 /QĐ-DADD&CN

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BVTC) thuộc dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên

**GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 6191/UBND-TH ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai quy hoạch và dự án đầu tư tại khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 theo Quyết định số 1989/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên V/v phê duyệt Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán;

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng ngày 17/11/2022 giữa Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên với Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất (trực thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất) về việc thực hiện Gói thầu CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BVTC) thuộc dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên.

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện Gói thầu CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BVTC) thuộc dự án: Xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên. Với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: CQ-04: Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BVTC).
2. Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất.

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Giá gói thầu: **348.120.000 đồng.**

(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng./.)

4. Nguồn vốn: Ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025.

(Từ nguồn bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất một số đơn vị thuộc tỉnh được xây dựng trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nguồn vốn huy động hợp pháp khác).

5. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày.

Điều 2: Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất căn cứ Luật Xây dựng và các Văn bản, chính sách hiện hành của Nhà nước thực hiện công tác Tư vấn khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BVTC) theo quy định.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Văn phòng, các Phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên, Công ty TNHH tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KHK.T.

(Chữ ký)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hà